TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/**2023/DS-ST
Ngày: 30/5/2023
V/v T/C Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2023, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 41A/2023/TLST-DS ngày 22/02/2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-DSngày 14/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2023/QĐST-DS ngày 04/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q1** (V1). Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A P, Phường B, Quận A, Tp .. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Thu H – GĐTT QLN NHBL theo Giấy ủy quyền số: 27869.20 ký ngày 04/01/2021 của TGĐ Ngân hàng TMCP Q1. Địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P Số B U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Trần Văn Q – Cán bộ Ngân hàng TMCP Q1 (V1) (ông Q có mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, Tỉnh lộ I, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, phía Ngân hàng TMCP Q1 trình bày:

Ngân hàng TMCP Q1 có ký với ông Nguyễn Tuấn A hợp đồng tín dụng số 4835311.20 ngày 31/07/2020 với nội dung cho ông Tuấn A vay 290.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi triệu đồng) để thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA FRONTIER; Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 01/08/2020 đến ngày 31/07/2025; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,4%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V1 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm. Các bên thoả thuận ông Tuấn A sẽ hoàn trả khoản vay gốc là ngày 20 hàng tháng với mỗi tháng trả 4.840.000 đồng, số tiền còn lại trả vào tháng cuối cùng, ngày trả nợ đầu tiên vào ngày 20/08/2020 và các nội dung khác theo hợp đồng tín dụng đã ký.

V1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Tuấn A theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 4835311(1).20 ngày 31/07/2020 với số tiền 290.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, tạm tính đến ngày 30/5/2023 là 239.287.066 đồng, trong đó: nợ gốc 193.190.950 đồng, nợ lãi: 46.096.116 đồng (nợ lãi trong hạn: 1.968.215 đồng, nợ lãi quá hạn: 44.127.901 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP Q1 (V1) yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Tuấn A trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2023 là 239.287.066 đồng, trong đó: nợ gốc 193.190.950 đồng, nợ lãi: 46.096.116 đồng (nợ lãi trong hạn: 1.968.215 đồng, nợ lãi quá hạn: 44.127.901 đồng); và tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 31/5/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn A: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông Tuấn A không tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai và ý kiến của ông Tuấn A.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Nguyễn Tuấn A vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q1, theo Hợp đồng tín dụng số 4835311.20 ngày 31/07/2020. Quá trình thực hiện, ông Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ, tính đến ngày 30/5/2023, ông Tuấn A đã nợ Ngân hàng tổng số tiền là 239.287.066 đồng, trong đó: nợ gốc 193.190.950 đồng, nợ lãi: 46.096.116 đồng (nợ lãi trong hạn: 1.968.215 đồng, nợ lãi quá hạn: 44.127.901 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Q1 và ông Nguyễn Tuấn A được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, ông Tuấn A là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa Ngân hàng Q1 và ông Nguyễn Tuấn A là hợp pháp. Nay ông Tuấn A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q1 là có căn cứ. Hơn nữa, ông Tuấn A không có ý kiến phản đối những yêu cầu trên của Ngân hàng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q1, buộc ông Nguyễn Tuấn A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền vốn và lãi đã vay của Hợp đồng tín dụng số 4835311.20 ngày 31/07/2020, tính đến ngày 30/5/2023 là 239.287.066 đồng, trong đó: nợ gốc 193.190.950 đồng, nợ lãi: 46.096.116 đồng (nợ lãi trong hạn: 1.968.215 đồng, nợ lãi quá hạn: 44.127.901 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định là 239.287.066 đồng x 5% = 11.964.353 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Tuấn A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền vốn và lãi đã vay đối với Hợp đồng tín dụng số 4835311.20 ngày 31/07/2020, tính đến ngày 30/5/2023 là 239.287.066 đồng, trong đó: nợ gốc 193.190.950 đồng, nợ lãi là 46.096.116 đồng.

Kể từ ngày 31/5/2023, ông Nguyễn Tuấn A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Q1 thì lãi suất mà ông Nguyễn Tuấn A phải chịu theo bản án, quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Q1.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.964.353 đồng.

Ngân hàng TMCP Q1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.100.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006276 ngày 20/02/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa